

Số: 2694/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 17 tháng 9 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Bộ Tiêu chí và Thang điểm đánh giá Cổng/Trang thông tin  
điện tử (gọi chung là Cổng thông tin điện tử) của các cơ quan  
nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan Nhà nước;

Xét đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 43/TTr-STTTT ngày 05/9/2014,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ Tiêu chí và Thang điểm đánh giá Cổng/Trang thông tin điện tử (gọi chung là Cổng thông tin điện tử) của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

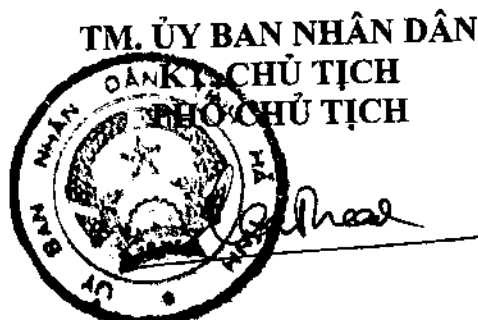
**Điều 2.** Giao Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, kiểm tra và hàng năm phối hợp với Hội Tin học tỉnh Hà Tĩnh tổ chức đánh giá, xếp loại, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Hội Tin học tỉnh Hà Tĩnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, PVP UBND tỉnh;
- Cổng TTĐT của tỉnh; Công báo Hà Tĩnh;
- Lưu: VT, VX1.
- Gửi bản giấy và điện tử



**Nguyễn Thiện**

**BỘ TIÊU CHÍ**

**Đánh giá Cổng/Trang thông tin điện tử (gọi chung là Cổng thông tin điện tử) của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2699/QĐ-UBND ngày 17/ 9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**I. Nhóm tiêu chí I: Thông tin giới thiệu, gồm 7 tiêu chí** (theo Điều 10, 12 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan Nhà nước; sau đây gọi tắt là Nghị định số 43/2011/NĐ-CP):

1. Thông tin về sơ đồ, cơ cấu tổ chức bộ máy cơ quan; Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan và các đơn vị trực thuộc.
2. Giới thiệu tóm lược sự hình thành và phát triển của cơ quan.
3. Thông tin tóm tắt (họ tên, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử chính thức) và nhiệm vụ đảm nhiệm của lãnh đạo cơ quan.
4. Thông tin giao dịch chính thức của cơ quan (địa chỉ, điện thoại, fax, thư điện tử chính thức).
5. Thông tin liên hệ của CBCC có thẩm quyền (họ tên, chức vụ, điện thoại, thư điện tử chính thức).
6. Bản đồ địa giới hành chính huyện (đối với UBND cấp huyện); hoặc bản đồ địa giới hành chính tỉnh (đối với sở, ban, ngành).
7. Thông tin thống kê về ngành, lĩnh vực (đối với sở, ban, ngành) hoặc thông tin thống kê của địa phương (đối với UBND cấp huyện).

**II. Nhóm tiêu chí II: Tin tức, sự kiện liên quan thuộc phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị, gồm 1 tiêu chí** (theo Điều 10 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP):

Tuần suất cập nhật các tin tức, sự kiện.

**III. Nhóm tiêu chí III: Thông tin chỉ đạo, điều hành của đơn vị, gồm 2 tiêu chí** (theo Điều 10 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP):

1. Tổng số văn bản chỉ đạo điều hành đã đăng tải.
2. Đăng lịch làm việc tháng của lãnh đạo cơ quan.

**IV. Nhóm tiêu chí IV: Thông tin tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách, gồm 2 tiêu chí** (theo Điều 10 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP):

1. Số tin, bài viết phổ biến chính sách pháp luật đăng tải.
2. Số văn bản được đăng tải kèm theo tin, bài.

**V. Nhóm tiêu chí V: Chiến lược, định hướng, quy hoạch, kế hoạch của ngành hoặc địa phương, gồm 2 tiêu chí (theo Điều 10 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP):**

1. Số lượng Chiến lược, Quy hoạch của ngành hoặc địa phương đã đăng tải.
2. Số lượng Kế hoạch phát triển của ngành hoặc địa phương đã đăng tải.

**VI. Nhóm tiêu chí VI: Văn bản quy phạm pháp luật của ngành hoặc địa phương, gồm 3 tiêu chí (theo Điều 10 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP):**

1. Số lượng văn bản quy phạm pháp luật đã đăng tải.
2. Liên kết đến các chuyên trang quản lý văn bản quy phạm pháp luật khác.
3. Cho phép tải về các VB quy phạm pháp luật.

**VII. Nhóm tiêu chí VII: Thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu mua sắm công của đơn vị, gồm 2 tiêu chí (theo Điều 10 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP):**

1. Số dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu mua sắm công được đăng tải.
2. Đăng những thông tin tối thiểu của mỗi dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu mua sắm công (tên dự án, mục tiêu chính, lĩnh vực, loại dự án, thời gian thực hiện, nguồn vốn, tình trạng dự án,...).

**VIII. Nhóm tiêu chí VIII: Thông tin về đề tài khoa học có sử dụng ngân sách nhà nước của đơn vị), gồm 2 tiêu chí (theo Điều 11 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP):**

1. Số lượng đề tài khoa học được đăng tải.
2. Danh mục các chương trình, đề tài (bao gồm: mã số, tên, cấp quản lý, lĩnh vực, đơn vị chủ trì, thời gian thực hiện, tổng hợp, báo cáo kết quả).

**IX. Nhóm tiêu chí IX: Lấy ý kiến, góp ý của tổ chức, cá nhân, gồm 2 tiêu chí (theo Điều 10 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP):**

1. Số dự thảo văn bản quy phạm pháp luật cần xin ý kiến đã đăng tải.
2. Cung cấp các thông tin và chức năng; toàn văn nội dung vấn đề cần xin ý kiến; thời hạn tiếp nhận ý kiến góp ý; xem nội dung các ý kiến góp ý; nhận ý kiến góp ý mới; địa chỉ, thư điện tử của cơ quan, đơn vị tiếp nhận ý kiến góp ý của văn bản xin ý kiến.

**X. Nhóm tiêu chí X: Chức năng hỗ trợ khai thác thông tin, gồm 9 tiêu chí (theo Điều 6, 7, 8 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP):**

1. Chức năng tìm kiếm và tìm kiếm được đầy đủ nội dung thông tin, bài cần tìm.
2. Sơ đồ website thể hiện cây cấu trúc các hạng mục thông tin của trang TTĐT; đảm bảo liên kết đúng tới các mục thông tin hoặc chức năng tương ứng.
3. Đăng câu hỏi, trả lời trong mục trao đổi- hỏi đáp đối với những vấn đề có liên quan chung.

4. Cung cấp dữ liệu đặc tả theo quy định theo Thông tư số 24/2011/TT-BTTTT ngày 20/9/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông cho mỗi tin bài.

5. Sử dụng bộ mã ký tự chữ Việt Unicode theo tiêu chuẩn TCVN 6909:2001.

6. Khả năng tương thích với nhiều trình duyệt.

7. Liên kết tới website các đơn vị trực thuộc hoặc các cơ quan liên quan.

8. Chức năng hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận thông tin.

9. Tên miền Công Thông tin điện tử.

**XI. Nhóm tiêu chí XI: Cung cấp dịch vụ công trực tuyến, gồm 3 tiêu chí (theo Chương 3 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP):**

1. Tổng số DVC mức 1 được cung cấp trên Cổng TTĐT.

2. Tổng số DVC mức 2 được cung cấp trên Cổng TTĐT.

3. Tổng số DVC mức 3 trở lên được cung cấp trên Cổng TTĐT.

**XII. Nhóm tiêu chí XII: Đảm bảo nhân lực, gồm 4 tiêu chí (theo Điều 21, 22, 23, 24 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP):**

1. Ban hành quyết định thành lập Ban biên tập đúng quy định.

2. Bố trí chuyên viên quản trị kỹ thuật.

3. Bố trí nhân lực xử lý dịch vụ công trực tuyến.

4. Tập huấn, đào tạo cán bộ Ban biên tập và chuyên viên quản trị trong năm.

**XIII. Nhóm tiêu chí XIII: Đảm bảo an toàn thông tin và dữ liệu, gồm 3 tiêu chí (theo Điều 29 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP):**

1. Thực hiện các biện pháp kỹ thuật để bảo đảm an toàn thông tin và dữ liệu trên Cổng Thông tin điện tử.

2. Xây dựng giải pháp hiệu quả chống lại các tấn công gây mất an toàn thông tin của Cổng Thông tin điện tử.

3. Xây dựng phương án dự phòng khắc phục sự cố bảo đảm hệ thống Cổng Thông tin điện tử hoạt động liên tục ở mức tối đa.

**XIV. Nhóm tiêu chí XIV: Văn bản về chính sách quản trị và vận hành Cổng TTĐT, gồm 3 tiêu chí (theo Điều 30 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP):**

1. Ban hành quy chế phối hợp giữa các đơn vị trong cơ quan để cung cấp và xử lý thông tin.

2. Ban hành quy chế hoạt động của Cổng TTĐT.

3. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình hoạt động của Cổng TTĐT.

**XV. Nhóm tiêu chí XV: Đăng tải thông tin theo quy định, gồm 3 tiêu chí (theo Điều 17 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP; Chương III Nghị định số**

72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về Quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng)

1. Cập nhật thông tin theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP.
2. Nội dung thông tin đăng tải trên Cổng TTĐT.
3. Thực hiện quy định khác về bản quyền thông tin đăng tải./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Thiện*  
Nguyễn Thiện



**THANG ĐIỂM**

Đánh giá Công/Trang thông tin điện tử (gọi chung là Công thông tin điện tử) của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2647/QĐ-UBND ngày 17/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**I. Thang điểm**

TT	Tiêu chí	Điểm tối đa
<b>I</b>	<b>Thông tin giới thiệu</b>	<b>10</b>
<b>1</b>	<b>Thông tin về sơ đồ, cơ cấu tổ chức bộ máy cơ quan; Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan và các đơn vị trực thuộc:</b>	<b>3</b>
	a) Thông tin đầy đủ	3
	b) Thông tin không đầy đủ (thiếu 1 nhóm thông tin trừ 1 điểm)	
	c) Không có thông tin	0
<b>2</b>	<b>Giới thiệu tóm lược sự hình thành và phát triển của cơ quan:</b>	<b>1</b>
	a) Có thông tin	1
	b) Không có thông tin	0
<b>3</b>	<b>Thông tin tóm tắt (họ tên, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử chính thức) và nhiệm vụ đảm nhiệm của lãnh đạo cơ quan:</b>	<b>2</b>
	a) Thông tin đầy đủ	2
	b) Thông tin không đầy đủ	1
	c) Không có thông tin	0
<b>4</b>	<b>Thông tin giao dịch chính thức của cơ quan (địa chỉ, điện thoại, fax, thư điện tử chính thức):</b>	<b>1</b>
	a) Thông tin đầy đủ	1
	b) Thông tin không đầy đủ	0.5
	c) Không có thông tin	0
<b>5</b>	<b>Thông tin liên hệ của CBCC có thẩm quyền (họ tên, chức vụ, điện thoại, thư điện tử chính thức):</b>	<b>1</b>
	a) Thông tin đầy đủ	1
	b) Thông tin không đầy đủ	0.5
	c) Không có thông tin	0
<b>6</b>	<b>Đăng tải bản đồ địa giới hành chính huyện (đối với UBND cấp huyện); đăng tải hoặc có liên kết đến bản đồ địa giới hành chính tỉnh (đối với sở, ban, ngành):</b>	<b>1</b>
	a) Có đăng tải	1
	b) Không đăng tải	0
<b>7</b>	<b>Thông tin thống kê về ngành, lĩnh vực (đối với sở, ban, ngành) hoặc thông tin thống kê của địa phương (đối với UBND cấp huyện):</b>	<b>1</b>
	a) Thông tin đầy đủ	1

	b) Thông tin không đầy đủ	0.5
	c) Không có thông tin	0
<b>II</b>	<b>Tin tức, sự kiện liên quan thuộc phạm vi QLNN của đơn vị</b>	<b>5</b>
	<b>Tuần suất cập nhật (tính cả năm):</b>	<b>5</b>
	a) Cập nhật hàng ngày	5
	b) Cập nhật hàng tuần (từ 4 bài trở lên/tuần)	4
	c) Cập nhật hàng tháng (từ 15 bài trở lên/tháng)	3
	d) Cập nhật hàng tháng (từ 10-14 bài /tháng)	1
	e) Không cập nhật	0
<b>III</b>	<b>Thông tin chỉ đạo, điều hành của đơn vị</b>	<b>8</b>
<b>1</b>	<b>Tổng số văn bản chỉ đạo điều hành đã đăng tải:</b>	<b>5</b>
	a) Từ 90% số văn bản chỉ đạo điều hành của đơn vị trở lên	5
	b) Từ 70% đến dưới 90% số văn bản chỉ đạo điều hành của đơn vị	4
	c) Từ 50% đến dưới 70% số văn bản chỉ đạo điều hành của đơn vị	3
	d) Từ 40% đến dưới 50% số văn bản chỉ đạo điều hành của đơn vị	2
	e) Dưới 40% số văn bản chỉ đạo điều hành của đơn vị	0
<b>2</b>	<b>Đăng lịch làm việc của lãnh đạo cơ quan:</b>	<b>3</b>
	a) Lịch tuần	3
	b) Lịch tháng	1
	c) Không đăng lịch làm việc	0
<b>IV</b>	<b>Thông tin tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách</b>	<b>8</b>
<b>1</b>	<b>Có chuyên trang hoặc chuyên mục về phổ biến văn bản QPPL</b>	<b>2</b>
	a) Có	2
	b) Không	-1
<b>2</b>	<b>Số tin, bài viết phổ biến chính sách pháp luật đăng tải:</b>	<b>3</b>
	a) Từ 10 bài/ tháng trở lên	3
	b) Từ 5 đến 9 bài/ tháng	2
	c) Từ 1 đến 4 bài/ tháng	1
	d) Dưới 1 bài/ tháng	0
<b>3</b>	<b>Số văn bản được đăng tải kèm theo tin, bài:</b>	<b>3</b>
	a) Từ 80% số tin, bài được đăng tải trở lên có văn bản kèm theo	3
	b) Từ 60% đến dưới 80% số tin, bài được đăng tải có văn bản kèm theo	2
	c) Từ 40% đến dưới 60% số tin, bài được đăng tải có văn bản kèm theo	1
	d) Dưới 40% số tin, bài được đăng tải có văn bản kèm theo	0
<b>V</b>	<b>Chiến lược, định hướng, quy hoạch, kế hoạch của ngành hoặc địa phương</b>	<b>5</b>
<b>1</b>	<b>Có chuyên mục hoặc chuyên trang về chiến lược, quy hoạch, kế hoạch,...</b>	<b>1</b>
	a) Có	1
	b) Không	-1
	(Nếu có thì điền tiếp mục 2, 3, 4 nếu không thì bị trừ 1 điểm)	

2	<b>Số lượng Chiến lược, Quy hoạch của ngành hoặc địa phương đã đăng tải:</b>	<b>2</b>
	a) Đăng tải đầy đủ	2
	b) Đăng tải không đầy đủ	1
	c) Không đăng tải	0
3	<b>Số lượng Kế hoạch phát triển của ngành hoặc địa phương đã đăng tải:</b>	<b>2</b>
	a) Đăng tải đầy đủ	2
	b) Đăng tải không đầy đủ	1
	c) Không đăng tải	0
<b>VI</b>	<b>Văn bản quy phạm pháp luật của ngành hoặc địa phương</b>	<b>9</b>
1	<b>Chuyên trang về văn bản quy phạm pháp luật</b>	<b>2</b>
	a) Có	2
	b) Không (chưa có) (Nếu có thì điền tiếp mục 2, 3, 4, nếu không thì bị trừ 1 điểm)	-1
2	<b>Số văn bản quy phạm pháp luật đã đăng tải (Từ 2010)</b>	<b>4</b>
	a) Từ 90% số văn bản quy phạm pháp luật của ngành hoặc địa phương trở lên	4
	b) Từ 70% đến dưới 90% số văn bản quy phạm pháp luật của ngành hoặc địa phương	3
	c) Từ 50% đến dưới 70% số văn bản quy phạm pháp luật của ngành hoặc địa phương	2
	d) Từ 40% đến dưới 50% số văn bản quy phạm pháp luật của ngành hoặc địa phương	1
	e) Dưới 40% số văn bản quy phạm pháp luật của ngành hoặc địa phương	0
3	<b>Liên kết đến các chuyên trang quản lý văn bản quy phạm pháp luật khác</b>	<b>1</b>
	a) Có	1
	b) Không	0
4	<b>Cho phép tải về các văn bản quy phạm pháp luật:</b>	<b>2</b>
	a) Cho phép	2
	b) Không cho phép	0
<b>VII</b>	<b>Thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu mua sắm công của đơn vị</b>	<b>3</b>
1	<b>Có chuyên trang hoặc hạng mục đầu tư, mua sắm</b>	<b>1</b>
	a) Có	1
	b) Không (Nếu có thì điền tiếp mục 2, 3, nếu không thì bị trừ 1 điểm)	-1
2	<b>Số dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu mua sắm công được đăng tải:</b>	<b>1</b>
	a) Từ 80% số dự án, hạng mục đầu tư của đơn vị trở lên	1
	b) Từ 50% đến dưới 80% số dự án, hạng mục đầu tư của đơn vị	0.5
	c) Dưới 50% số dự án, hạng mục đầu tư của đơn vị	0



3	<b>Đăng những thông tin tối thiểu của mỗi dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu mua sắm công (tên dự án, mục tiêu chính, lĩnh vực, loại dự án, thời gian thực hiện, nguồn vốn, tình trạng dự án):</b>	<b>1</b>
	a) <i>Đầy đủ thông tin</i>	<i>1</i>
	b) <i>Không đầy đủ thông tin</i>	<i>0</i>
<b>VIII</b>	<b>Thông tin về đề tài khoa học có sử dụng ngân sách nhà nước của đơn vị</b>	<b>2</b>
1	<b>Có chuyên trang hoặc chuyên mục về đề tài khoa học</b>	<b>1</b>
	a) <i>Có</i>	<i>1</i>
	b) <i>Không</i> (Nếu có thì điền tiếp mục 2, 3, nếu không thì bị trừ 1 điểm)	<i>-1</i>
2	<b>Số lượng đề tài khoa học được đăng tải với đầy đủ danh mục (bao gồm: mã số, tên, cấp quản lý, lĩnh vực, đơn vị chủ trì, thời gian thực hiện, tổng hợp, báo cáo kết quả)</b>	<b>1</b>
	a) <i>Từ 80% số đề tài khoa học của đơn vị trở lên</i>	<i>1</i>
	b) <i>Từ 50% đến dưới 80% số đề tài khoa học của đơn vị</i>	<i>0.5</i>
	c) <i>Dưới 50% số đề tài khoa học của đơn vị</i>	<i>0</i>
<b>IX</b>	<b>Lấy ý kiến, góp ý của tổ chức, cá nhân</b>	<b>8</b>
1	<b>Có chuyên trang hoặc chuyên mục góp ý</b>	<b>2</b>
	a) <i>Có</i>	<i>2</i>
	b) <i>Không</i> (Nếu có thì điền tiếp mục 2, 3, nếu không thì bị trừ 1 điểm)	<i>-1</i>
2	<b>Số dự thảo văn bản quy phạm pháp luật cần xin ý kiến đã đăng tải:</b>	<b>3</b>
	a) <i>Từ 90% số văn bản quy phạm pháp luật cần xin ý kiến của đơn vị trở lên</i>	<i>3</i>
	b) <i>Từ 50% đến dưới 90% số văn bản quy phạm pháp luật cần xin ý kiến của đơn vị</i>	<i>2</i>
	d) <i>Dưới 50% số văn bản quy phạm pháp luật cần xin ý kiến của đơn vị</i>	<i>0</i>
3	<b>Cung cấp các thông tin và chức năng; toàn văn nội dung vấn đề cần xin ý kiến; thời hạn tiếp nhận ý kiến góp ý; xem nội dung các ý kiến góp ý; nhận ý kiến góp ý mới; địa chỉ, thư điện tử của cơ quan, đơn vị tiếp nhận ý kiến góp ý của văn bản xin ý kiến:</b>	<b>3</b>
	a) <i>Đầy đủ thông tin và chức năng</i>	<i>3</i>
	b) <i>Không đầy đủ thông tin và chức năng</i>	<i>2</i>
	c) <i>Không đăng tải thông tin</i>	<i>0</i>
<b>X</b>	<b>Chức năng hỗ trợ khai thác thông tin</b>	<b>10</b>
1	<b>Chức năng tìm kiếm và tìm kiếm được đầy đủ nội dung thông tin, bài cần tìm:</b>	<b>1</b>
	a) <i>Có</i>	<i>1</i>
	b) <i>Không</i>	<i>0</i>
2	<b>Sơ đồ website thể hiện cây cấu trúc các hạng mục thông tin của trang TTĐT; đảm bảo liên kết đúng tới các mục thông tin hoặc chức năng tương ứng:</b>	<b>1</b>

	a) Có	1
	b) Không	0
3	<b>Đăng câu hỏi, trả lời trong mục trao đổi- hỏi đáp đối với những vấn đề có liên quan chung:</b>	1
	a) Có	1
	b) Không	0
4	<b>Cung cấp dữ liệu đặc tả theo quy định cho mỗi tin bài:</b>	2
	a) Cung cấp đầy đủ	2
	b) Cung cấp không đầy đủ	1
	c) Không cung cấp	0
5	<b>Sử dụng bộ mã ký tự chữ Việt Unicode theo tiêu chuẩn TCVN 6909:2001:</b>	1
	a) Có sử dụng	1
	b) Không sử dụng	0
6	<b>Khả năng tương thích với nhiều trình duyệt:</b>	1
	a) Có khả năng tương thích từ 3 trình duyệt trở lên	1
	b) Không có khả năng tương thích từ 3 trình duyệt trở lên	0
7	<b>Liên kết tới website các đơn vị trực thuộc hoặc các cơ quan liên quan:</b>	1
	a) Có	1
	b) Không	0
8	<b>Chức năng hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận thông tin:</b>	1
	a) Có	1
	b) Không	0
9	<b>Tên miền Công Thông tin điện tử:</b>	1
	a) Đặt đúng quy định	1
	b) Không đặt đúng quy định	0
XI	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Công Thông tin điện tử của đơn vị</b>	19
	<b>Tổng số TTHC phải giải quyết tại đơn vị: ...</b>	
1	<b>Tổng số DVC mức 1 được cung cấp trên Công TTĐT:</b>	3
	a) Đạt 100% TTHC	3
	b) Từ 90% đến dưới 100% số TTHC	2
	c) Từ 80% đến dưới 90% số TTHC	1
	d) Dưới 80% số TTHC	0
2	<b>Tổng số DVC mức 2 được cung cấp trên Công TTĐT:</b>	8
	a) Đạt 100% TTHC	8
	b) Từ 90% đến dưới 100% số TTHC	6
	c) Từ 80% đến dưới 90% số TTHC	5
	d) Từ 70% đến dưới 80% số TTHC	2
	e) Dưới 70% số TTHC	0
3	<b>Tổng số DVC mức 3 trở lên được cung cấp trên Công TTĐT:</b>	8
	a) Có từ 6 DVC mức 3 trở lên	8
	a) Có từ 3-5 DVC mức 3 trở lên	7

	b) Có từ 1-2 DVC mức 3 trở lên	5
	c) Không cung cấp DVC mức 3 trở lên	0
<b>XII</b>	<b>Đảm bảo nhân lực</b>	<b>4</b>
1	<b>Ban hành quyết định thành lập Ban biên tập đúng quy định:</b>	<b>1</b>
	a) Có	1
	b) Không	0
2	<b>Bổ trí chuyên viên quản trị kỹ thuật:</b>	<b>1</b>
	a) Có	1
	b) Không	0
3	<b>Bổ trí nhân lực xử lý dịch vụ công trực tuyến:</b>	<b>1</b>
	a) Có	1
	b) Không	0
4	<b>Tập huấn, đào tạo cán bộ Ban biên tập và chuyên viên quản trị trong năm:</b>	<b>1</b>
	a) Có	1
	b) Không	0
<b>XIII</b>	<b>Đảm bảo an toàn thông tin và dữ liệu</b>	<b>3</b>
1	<b>Thực hiện các biện pháp kỹ thuật để bảo đảm an toàn thông tin và dữ liệu trên Cổng Thông tin điện tử:</b>	<b>1</b>
	a) Có	1
	b) Không	0
2	<b>Xây dựng giải pháp hiệu quả chống lại các tấn công gây mất an toàn thông tin của Cổng Thông tin điện tử:</b>	<b>1</b>
	a) Có	1
	b) Không	0
3	<b>Xây dựng phương án dự phòng khắc phục sự cố bảo đảm hệ thống Cổng Thông tin điện tử hoạt động liên tục ở mức tối đa:</b>	<b>1</b>
	a) Có	1
	b) Không	0
<b>XIV</b>	<b>Văn bản về chính sách quản trị và vận hành Cổng TTĐT</b>	<b>3</b>
1	<b>Ban hành quy chế phối hợp giữa các đơn vị trong cơ quan để cung cấp và xử lý thông tin:</b>	<b>1</b>
	a) Có	1
	b) Không	0
2	<b>Ban hành quy chế hoạt động của Cổng TTĐT:</b>	<b>1</b>
	a) Có	1
	b) Không	0
3	<b>Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình hoạt động của Cổng TTĐT:</b>	<b>1</b>
	a) Thực hiện đúng quy định	1
	b) Không thực hiện đúng quy định	-1
<b>XV</b>	<b>Đăng tải thông tin theo quy định</b>	<b>3</b>
1	<b>Cập nhật thông tin theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP:</b>	<b>1</b>

	a) Đúng quy định	1
	b) Không đúng quy định	-1
2	<b>Nội dung các thông tin đăng tải trên Cổng TTĐT:</b>	1
	a) Thông tin thuộc chuyên ngành hoặc địa phương quản lý	1
	b) Có biên tập thông tin tổng hợp	-1
3	<b>Thực hiện quy định khác của Nghị định 72/2013/NĐ-CP về bản quyền thông tin đăng tải:</b>	1
	a) Đúng quy định	1
	b) Không đúng quy định	-1
	<b>Tổng cộng</b>	<b>100</b>

## II. Xếp loại:

Tốt: Từ 90 điểm đến 100 điểm

Khá: Từ 70 điểm đến dưới 89,5 điểm

Trung bình: Từ 60 điểm đến dưới 69,5 điểm

Yếu: Dưới 60 điểm.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thiện